

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TỔNG HỢP 1**

**Số tín chỉ: 02**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc**

**Năm 2018**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc**

- 1. Tên học phần:** Tiếng Trung tổng hợp 1
- 2. Mã học phần:** TQUOC 121
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ:** Sinh viên đại học năm thứ 1 (kỳ I)
- 5. Phân bố thời gian:**
  - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết
  - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhola11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	lannguyen178@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

**8. Mô tả nội dung của học phần:**

Học phần Tiếng Trung tổng hợp 1 gồm 28 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Trung Quốc: Cách phát âm của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu trong tiếng Hán, quy tắc phiên âm, các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán.
- Bài đọc: Cung cấp những mẫu câu, cách nói thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày với các chủ đề: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, hỏi đường, hỏi thời gian, đồ ăn - đồ uống, gia đình, sở thích, dự định, mua đồ, ở ngân hàng, miêu tả vị trí của người - đồ vật và nơi chốn, thuê nhà....
- Từ mới: Cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.
- Ngữ pháp: Cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.
- Bài tập: Hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

**9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

**9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu học phân thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Liệt kê, phát âm chính xác và sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề bài học trong học phần: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, hỏi đường, hỏi thời gian, đồ ăn - đồ uống, gia đình, sở thích, dự định, mua đồ, ở ngân hàng, miêu tả vị trí của người - đồ vật và nơi chốn, thuê nhà.	2	[1.2.1.2.a]
MT1.2	Trình bày đúng các cấu trúc ngữ pháp trong học phần: Cách đọc số tự nhiên-mã số-giá tiền, cách nói ngày tháng năm-giờ, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác và động tác đã xảy ra, cách dùng và ý nghĩa của động từ lặp lại, trợ từ động thái “了”, trợ từ ngữ khí “了” cách dùng các từ “在、给、就、才、又、再、从、离、往”, cách dùng các cấu trúc “又...又...、因为...所以...、要是...就...、虽然...但是...”, cách dùng bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ kết quả, bổ ngữ thời lượng.	2	[1.2.1.2.a]
MT1.3	Sử dụng thành thạo các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu để diễn đạt các vấn đề có liên quan đến các chủ đề giao tiếp hàng ngày trong học phần bằng Tiếng Trung.	3	[1.2.1.2.a]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Nghe hiểu được nội dung các đoạn hội thoại về các chủ đề giao tiếp trong học phần: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên -	3	[1.2.2.1]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
	quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, hỏi đường, hỏi thời gian, đồ ăn - đồ uống, gia đình, sở thích, dự định, mua đồ, ở ngân hàng, miêu tả vị trí của người - đồ vật và nơi chốn, đi thuê nhà....		
MT2.2	Đọc lưu loát, đọc thoại và hội thoại được bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trên.	3	[1.2.2.1]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được phân công.	3	[1.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Xác định được các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu được dùng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày với các chủ đề trong học phần: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, hỏi đường, hỏi thời gian, đồ ăn- đồ uống, gia đình, sở thích, dự định, mua đồ, ở ngân hàng, miêu tả vị trí của người - đồ vật và nơi chốn, thuê nhà....	2	[2.1.4]

CĐR1.2	Có khả năng hiểu và sử dụng đúng các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu để diễn đạt quan điểm của mình về các vấn đề liên quan đến các chủ đề giao tiếp được học trong học phần.	3	[2.1.4]
<b>CĐR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CĐR2.1	Có khả năng sử dụng đúng các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu, các hiện tượng ngữ pháp để đặt câu, viết đoạn, viết về một chủ đề giao tiếp trong học phần.	2	[2.2.1]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp lưu loát, tự nhiên bằng tiếng Trung với các chủ đề trong học phần.	3	[2.2.1]
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Tuân thủ đúng văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc trong thực các kỹ năng và biết gìn giữ văn hoá của người Việt Nam trong giao tiếp hàng ngày và trong công việc.	3	[2.3.1]

#### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CĐR1		CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	<b>第一课：你好</b> 一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音 (四) 声调 四、注释 (一) 汉语音节的组成 (二) 发音要领 (三) 书写规则 (四) 变调 (五) 声调 五、练习	x	x	x	x	x	x

2	<b>第二课：汉语不太难</b> 一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音 四、注释 (一) 发音要领 (二) 轻声 (三) 半三声 五、练习	x	x	x	x	x	x
3	<b>第三课：明天见</b> 一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音 四、注释 (一) 发音要领 (二) 书写规则 (三) “不”的变调 五、练习	x	x	x	x	x	x
4	<b>第四课：你去哪儿？</b> 一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音 四、注释 (一) 发音要领 (二) 韵母 (三) er 和儿化韵 (四) 书写规则 五、练习	x	x	x	x	x	x

5	<b>第五课：这是王老师</b> 一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音 四、注释 (一) 发音要领 (二) 韵母 五、练习	X	X	X	X	X	X
6	<b>第六课：我学习汉语</b> 一、课文 二、生词 三、注释 (一) 中国人的姓名 (二) 贵姓 四、语音 五、练习	X	X	X	X	X	X
7	<b>第七课：你吃什么？</b> 一、课文 二、生词 三、注释：“一”的变调 四、练习	X	X	X	X	X	X
8	<b>第八课：苹果一斤多少钱</b> 一、课文 二、生词 三、注释 (一) .....吧 (二) 2+量词， 两+量词 四、练习	X	X	X	X	X	X
9	<b>第十课：他住哪儿</b> 一、课文 二、生词 三、注释 (一) 请问 (二) 你在家呢？	X	X	X	X	X	X

	(三) 您 (四) “0” 四、语法 (一) 汉语句子的语序 (二) 动词谓语句 (三) 号码的读法 五、练习						
10	<b>第十二课：你在哪儿学习？</b> 一、课文 二、生词 三、语法 (一) 怎么问 (2) 疑问代词 (二) 定语和结构助词“的” (三) 介词“在”和“给” 四、语音 五、练习	X	X	X	X	X	X
11	<b>第十三课：这是不是中药</b> 一、课文 二、生词 三、注释：这些一些药 四、语法 (一) 形容词谓语句 (二) 怎么问 (3) 正反问句 (三) “的”字词组 五、语音 六、练习	X	X	X	X	X	X
12	<b>第十四课：你的车是新的还是旧的？</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 主语谓语句 (二) 怎么问 (4)：选择问句：……还是……？ (三) 怎么问 (5)：省略问句：“……呢？”	X	X	X	X	X	X



	五、语音 六、练习						
13	<b>第十五课：你们公司有多少职员</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）“有”字句 （二）称数法 （三）询问数量“几”和“多少” （四）数量词组“数+量+名” 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
14	<b>第十六课：你常去图书馆吗？</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）时间词语作状语 （二）“还是”和“或者” 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
15	<b>第十七课：他在做什么呢</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）动作的进行 （二）双宾语句 （三）询问动作行为的方式： 怎么+动词 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
16	<b>第十八课：我去邮局寄包裹</b> 一、课文 二、生词	x	x	x	x	x	x

	三、注释 四、语法：连动句 五、语音 六、练习						
17	<b>第十九课：可以试试吗？</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）动词重叠 （二）又.....又..... （三）“一点儿”和“有一点儿” 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
18	<b>第二十课：祝你生日快乐</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）名词谓语句 （二）年、月、日 （三）怎么问（6）：疑问语调 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
19	<b>第二十一课：我们明天七点一刻出发</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：时间的表达 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
20	<b>第二十二课：我打算请老师叫我京剧</b> 一、课文 二、生词 三、注释	x	x	x	x	x	x

	四、语法：兼语句 五、语音 六、练习						
21	<b>第二十三课：学校里边有邮局吗？</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）方位词 （二）存在的表达 （三）介词“离”、“从”、“往” 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
22	<b>第二十四课：我想学太极拳</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）能源动词 （二）询问原因 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
23	<b>第二十五课：她学得很好</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：状态补语（1） 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
24	<b>第二十六课：田芳去哪儿了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）语气助词“了”（1） （二）“再”和“又”	x	x	x	x	x	x

	五、语音 六、练习						
25	<b>第二十七课：玛丽哭了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）动作的完成：动词+了 （二）因为.....所以 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
26	<b>第二十八课：我吃了早饭就来了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）“就”和“才” （二）要是.....（的话），就..... （三）虽然.....，但是..... 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
27	<b>第二十九课：我都做对了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）结果补语 （二）结果补语“上、成、到” （三）主语词组作定语 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
28	<b>第三十课：我来了两个多月了</b> 一、课文 二、生词 三、注释	x	x	x	x	x	x

四、语法 (一) 时量补语 (二) 概述的表达 (三) 离合动词 五、语音 六、练习							
---	--	--	--	--	--	--	--

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong giờ học, bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Hoàn thành các bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	10%	
		1 điểm	10%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 Bài kiểm tra giữa học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 Bài thi kết thúc học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên là điểm đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học và mức độ hoàn thành bài tập trên lớp và giao về nhà.

- Điểm các bài tập thực hành từ vựng và ngữ pháp được đánh giá theo mức đúng sai, hình thức chữ viết.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- + Chọn đáp án đúng ABCD
  - + Chọn từ điền thích hợp vào chỗ trống
  - + Điền từ cho sẵn vào vị trí thích hợp
  - + Sắp xếp từ thành câu
  - + Sửa câu sai
  - + Dịch Trung Việt - Việt Trung
- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án của đề.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần (theo kế hoạch của phòng QLĐT). Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được phó bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm ngay trên giấy thi theo quy định chung của nhà trường. Nội dung thi kết thúc học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- + Chọn đáp án đúng ABCD
- + Chọn từ điền thích hợp vào chỗ trống
- + Điền từ cho sẵn vào vị trí thích hợp
- + Sắp xếp từ thành câu
- + Sửa câu sai
- + Dịch Trung Việt - Việt Trung

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

## **12. Phương pháp dạy và học**

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và kích thích sinh viên giải quyết. Giảng viên phát âm mẫu từ mới, cụm từ; hướng dẫn sinh viên phát âm và giải thích nghĩa của từ mới. Giảng viên trình bày phân tích các cấu trúc câu, các hiện tượng ngữ pháp, đưa ra các hoạt động thực hành kiến thức tại lớp phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép bài và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Giao nhiệm vụ cụ thể về nhà, có kiểm tra đánh giá trực tiếp trên lớp hoặc qua địa chỉ Gmail của giảng viên, của lớp.

- Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ - Biết - Vận dụng - Phân tích - Đánh giá - Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Trung trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc giao tiếp, tôn trọng nền văn hóa bản địa và nền văn hóa Trung Hoa. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

### **13. Yêu cầu học phần**

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến chủ đề bài học trong học phần: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, hỏi đường, hỏi thời gian, đồ ăn - đồ uống, gia đình, sở thích, dự định, mua đồ, ở ngân hàng, miêu tả vị trí của người - đồ vật và nơi chốn....

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình và nhiệm vụ giảng viên yêu cầu có liên quan đến nội dung bài học.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học, ghi chép và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài và làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

### **14. Tài liệu phục vụ học phần:**

#### **\* Tài liệu bắt buộc:**

[1] Trường Đại học Sao Đỏ, Giáo trình *Tiếng Trung tổng hợp 1 (quyển 1)*

[2] Trường Đại học Sao Đỏ, Giáo trình *Tiếng Trung Tổng hợp 1 (quyển 2)*

#### **\* Tài liệu tham khảo:**

[3] 姜丽萍 - 编著, *HSK1*, 北京语言大学出版社, 2017 年

[4] 姜丽萍 - 编著, *HSK2*, 北京语言大学出版社, 2017 年

[5] 姜丽萍 - 编著, *HSK3*, 北京语言大学出版社, 2017 年

[6] Nguyễn Thu Hà, Giáo trình *Hán ngữ Boya - Tập 1*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015

[7] Website: <http://www.dantiengtrung.com>

<http://tienghoa.net>

### 15. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p>第一课：你好 第二课：汉语不太难</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm đúng các vận mẫu và thanh mẫu trong bài.</li> <li>- Phát âm đúng các vận mẫu và thanh mẫu trong bài.</li> <li>- Phân biệt được và đọc đúng các thanh điệu.</li> <li>- Trình bày được quy tắc phiên âm và quy tắc biến điệu trong tiếng Hán.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、语音</li> <li>四、注释</li> <li>五、练习</li> </ul>	2		[1],[3] [6],[7]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 1-9,13-15 TL [1] Trang 14-19 tài liệu [3] Trang 1-10 tài liệu [6]</p> <p><b>- Hoàn thành bài tập</b> Trang 10-12,16-18 TL [1] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>
2	<p>第三课：明天见 第四课：你去哪儿?</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được tên nét và cách viết các nét cơ bản và các nét biến thể.</li> <li>- Trình bày được quy tắc viết các nét chữ Hán.</li> <li>- Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về chủ đề chào tạm biệt và hỏi địa điểm và hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p>	2		[1],[3] [6],[7]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 19-23,28-33 TL [1] Trang 20-25 tài liệu [3] Trang 27-30 tài liệu [6]</p> <p><b>- Hoàn thành bài tập</b> Trang 24-27,34-36 TL [1] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>



Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				
3	第五课：这是王老师 第六课：我学习汉语 <b>Mục tiêu:</b> - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài về tên đồ vật, tên một số nước. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về chủ đề hỏi họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp của bản thân và người khác, hoàn thành bài tập. <b>- Hội thoại</b> <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1],[3] [6],[7]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 37-40,46-51 TL [1] Trang 26-41 tài liệu [3] Trang 16-27 tài liệu [6] <b>- Hoàn thành bài tập</b> Trang 41-44,51-55 TL [1] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]
4	第七课：你吃什么？ 第八课：苹果一斤多少钱 <b>Mục tiêu:</b> - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài về tên một số món ăn, loại bánh, tên một số loại trái cây. - Trình bày được cách nói giá tiền, gọi đồ ăn và mua trái cây. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại.	2		[1],[3] [6],[7]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 56-59,63-66 TL [1] Trang 70-72 tài liệu [1] Trang 68-75 tài liệu [3] Trang 61-66 tài liệu [6] <b>- Hoàn thành bài tập</b> Trang 59-62, 6-69 TL [1] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về chủ đề gọi đồ ăn, mua trái cây và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习</p>				
5	<p>第十课：他住哪儿 第十二课：你在哪儿学习？</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Thành phần câu trong tiếng Hán, câu vị ngữ động từ, câu hỏi dùng 吗 và đại từ nghi vấn, định ngữ và trợ từ kết cấu 的, cách đọc mã số, cách dùng 也, 都, 在 và 给.</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về nơi ở và nơi học tập, trường lớp, thầy cô; hỏi số điện thoại và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词</p>	2		[1],[3] [6],[7]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 76-81,86-91 TL [1] Trang 98-103 tài liệu [1] Trang 76-83 tài liệu [3] Trang 54-60 tài liệu [6]</p> <p><b>- Hoàn thành bài tập</b> Trang 82-84, 104-109 tài liệu [1] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	三、注释 四、语法 五、语音 六、练习				
6	第十三课：这是不是中药 第十四课：你的车是新的还是旧的？ <b>Mục tiêu:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu vị ngữ hình dung từ và chủ vị, câu nghi vấn chính phủ, cụm từ chữ 的, câu hỏi dùng 还是, 呢. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về chủ đề ở hải quan, kiểm tra đồ, miêu tả đồ vật và hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	2		[1],[3] [4],[6] [7]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 110-115, 124-129 tài liệu [1] Trang 52-59 tài liệu [3] Trang 31-38 tài liệu [4] Trang 94-99,112-118 tài liệu [6] <b>- Hoàn thành bài tập</b> Trang 116-123 tài liệu [1] Trang 130-136 tài liệu [1] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]
7	第十五课：你们公司有多少职员 第十六课：你常去图书馆吗？ <b>Mục tiêu:</b> - Phát âm và viết đúng các từ	2		[1],[2] [3],[6] [7]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 137-144 tài liệu [1] Trang 1-7 tài liệu [2] Trang 1-18 tài liệu [3] Trang 47-53,67-72 TL [6]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu chữ “有”, cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少” và vận dụng vào làm bài tập.</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại giới thiệu về gia đình, một ngày của bản thân và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习</p>				<p>- <b>Hoàn thành bài tập</b> Trang 145-151 tài liệu [1] Trang 8-13 tài liệu [2] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>
8	<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	2		[1],[3]	<p>- Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 1 đến bài 16. - Làm bài kiểm tra giữa học phần</p>
9	<p>第十七课：他在做什么呢 第十八课：我去邮局寄包裹 第十九课：可以试试吗？</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Liên từ “或者” và “还</p>	2		[2],[3] [4],[5] [7]	<p>- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 14-20,28-32 TL [2] Trang 40-47 tài liệu [2] Trang 110-115 tài liệu [3] Trang 55-62,71-78 TL [4] Trang 45-52 tài liệu [5] Trang 80-87 tài liệu [6] - <b>Hoàn thành bài tập:</b> Trang 21-27, 33-39 tài liệu [2] Trang 47-53 tài liệu [2]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>是”, trạng ngữ chỉ thời gian, câu vị ngữ động từ 2 tân ngữ, câu liên động, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, động từ lặp lại.</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về chủ đề gửi đồ, gửi thư ở bưu điện; mua quần áo, các hoạt động đang xảy ra và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习</p>				<p>-Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>
10	<p>第二十课：祝你生日快乐 第二十一课：我们明天七点一刻出发</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu vị ngữ danh từ, cách nói về thời gian (ngày, tháng, năm, giờ)... và vận dụng vào làm bài tập.</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại giới thiệu ngày ngày sinh nhật của bản thân và</p>	2		[2],[3] [6],[7]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 54-60,68-74 TL [2] Trang 60-67, 94-101 tài liệu [3] Trang 41-53 tài liệu [6]</p> <p><b>- Hoàn thành bài tập:</b> Trang 61-67,75-81 TL [2] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>người khác, một ngày học tập của bản thân và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习</p>				
11	<p>第二十二课：我打算请老师叫我京剧</p> <p>第二十三课：学校里边有邮局吗？</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu kiêm ngữ, câu hỏi dùng 多, phương vị từ, cách biểu thị sự tồn tại, cách dùng 离,从,往.</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về chủ đề miêu tả vị trí của người, vật, địa điểm; hỏi đường, nói về sở thích của bản thân và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释</p>	2		[2],[4] [6],[7]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 82-88, 96-105 tài liệu [2] Trang 63-70,71-78 TL [4] Trang 28-40 tài liệu [6] Trang 121-128 tài liệu [6]</p> <p><b>- Hoàn thành bài tập:</b> Trang 88-95, 105 -113 tài liệu [2] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	四、语法 五、语音 六、练习				
12	第二十四课：我想学太极拳 第二十五课：她学得很好 <b>Mục tiêu:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Động từ năng nguyện, bổ ngữ trạng thái, cách hỏi nguyên nhân. - Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại về khả năng, mong muốn của bản thân, một ngày học tập và hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	2		[2],[4] [6],[7]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 141-121, 129-135 tài liệu [2] Trang 103-110 tài liệu [4] Trang 181-186 tài liệu [6] <b>- Hoàn thành bài tập:</b> Trang 122-128 tài liệu [2] Trang 136-143 tài liệu [2] -Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]
13	第二十六课：田芳去哪儿了 第二十七课：玛丽哭了 <b>Mục tiêu:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ	2		[2],[3] [4],[5] [6],[7]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 144-151, 160-168 tài liệu [2] Trang 116-123 tài liệu [3] Trang 55-62 tài liệu [4] Trang 80-87, 151-158 tài liệu [5] Trang 126-133, 139-143

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>pháp: Trợ từ ngữ khí và trợ từ động thái 了, phó từ 再 và 又, cấu trúc 因为...所以....</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại mua đồ ăn, trái cây và đổi tiền và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习</p>				<p>TL [6]</p> <p>- <b>Hoàn thành bài tập:</b> Trang 152-159, 169-176 tài liệu [2] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>
14	<p>第二十八课：我吃了早饭就来了</p> <p>第二十九课：我都做对了</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Phó từ 就, 才; cấu trúc 要是...就...; 虽然...但是....</p> <p>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại kể lại sự việc đã qua và hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法</p>	2		[2],[3] [4],[6] [7]	<p>- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 177-184, 192-201 tài liệu [2] Trang 79-86 tài liệu [3] Trang 119-126 tài liệu [4] Trang 156-161,187-192 tài liệu [6]</p> <p>- <b>Hoàn thành bài tập:</b> Trang 185-191, 202-207 tài liệu [2] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>



Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	五、语音 六、练习				
15	<p>第三十课:我来了两个多月了</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài, sử dụng từ đặt câu đúng.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Bổ ngữ thời lượng, cách biểu đạt số ước lượng, động từ li hợp</li> <li>- Vận dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài thực hiện hội thoại nói hoạt động hàng ngày diễn ra trong thời gian bao lâu và hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、注释</li> <li>四、语法</li> <li>五、语音</li> <li>六、练习</li> </ul>	2		[2],[6] [7]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 208-216 tài liệu [2] Trang 150-155 tài liệu [6]</p> <p><b>- Hoàn thành bài tập:</b> Trang 217-223 tài liệu [2] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học tài liệu [7]</p>
16	<b>Ôn thi kết thúc học phần</b>			[1],[2]	<p>- Ôn tập kiến thức từ vựng và các hiện tượng ngữ pháp trọng điểm trong học phần</p> <p>- Làm đề cương và ôn tập các nội dung được giao</p> <p>- Thi kết thúc học phần</p>

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên**

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Đăng Tiến**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Trịnh Thị Chuyên**